

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI BÀY XÃ THÍ ĐIỂM



**Người thực hiện: Trương Quốc Đạt
Đồng Hới, tháng 09 – 2009**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI 7 XÃ ĐIỂM**

1.1. Bối cảnh chung của chương trình phát triển cộng đồng năm 2009

Liên quan đến chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành cuối dự án, chỉ tiêu số “4”

“Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong các xã thí điểm giảm ít nhất 4,5%/ năm” (đối chiếu với số liệu của Sở LĐTB&XH theo chuẩn nghèo năm 2006).

Trong năm 2008, diễn biến hộ nghèo ở các xã điểm đều đạt được chỉ tiêu số “4” (trừ xã Minh Hoá, diễn biến hộ nghèo không giảm và có xu hướng tăng 1 %, Báo cáo đánh giá của dự án năm 2008) Nguyên nhân chính là do tình hình lạm phát chung của Việt Nam (trên 20%) và hậu quả của thiên tai khắc nghiệt năm 2007 kéo sang đầu năm 2008, xã Minh Hoá bị thiệt hại nặng về gia súc (chết do rét đậm). Bên cạnh đó, các hộ cận nghèo ở hầu hết các xã điểm khá cao, một thách thức đặt ra cho dự án là trong bối cảnh kinh tế đang suy giảm, nguy cơ tái nghèo của các hộ gia đình cận nghèo ở các xã điểm, do vậy Ban quản lý dự án tiếp tục hỗ trợ một chương trình phát triển cộng đồng tại 7 xã điểm (Đồng Hoá, Đức Hoá, Kim Hoá, Thanh Thạch, Hoá Phúc, Hoá Hợp và Xã Minh Hoá) với mục tiêu giảm thiểu những tác động từ bên ngoài đến tỷ lệ nghèo tại các xã tham gia chương trình.

Đối tượng tham gia chương trình là các hộ thuộc diện nghèo (theo rà soát hộ nghèo của các xã năm 2008) chủ yếu tập trung các hộ nghèo có đủ điều kiện thực hiện tốt các mục tiêu chương trình, nhằm làm cơ sở để nhân rộng các hoạt động của chương trình khi có cơ hội. Các hoạt động chủ yếu của chương trình là các hộ thuộc diện nghèo tham gia thực hiện các mô hình có thời gian ngắn quay vòng vốn nhanh, và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của các gia đình và địa phương.

Để tăng tính tự chủ của các Nhóm mục tiêu hưởng lợi trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch hoạt động của chương trình cộng đồng, Dự án đã hỗ trợ cho cán bộ xã, khuyến nông viên xã, áp dụng các phương pháp khuyến nông có sự tham gia để đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch và giám sát, đánh giá chương trình thực hiện, thông qua quá trình hoạt động, để đúc rút các kinh nghiệm thực tiễn góp phần giúp những hộ gia đình nghèo có cơ hội thoát nghèo và tham gia các hoạt động cộng đồng phát triển kinh tế địa phương.

1.2. Mục đích của đợt đánh giá tác động chương trình phát triển cộng đồng

Mục đích của đợt đánh giá tác động là:

(1) Đánh giá hiệu quả của chương trình hướng đến việc giảm thiểu những tác động bên ngoài đến tỷ lệ các hộ nghèo ở các xã điểm;

(2) Năng lực trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện, giám sát và đánh giá những chương trình phát triển cộng đồng (giành cho các hộ diện nghèo) của chính quyền địa phương (cấp thôn xã);

(3) Đưa ra những khuyến nghị để BQL và các Nhóm mục tiêu (chính quyền và người dân) làm cơ sở để xây dựng các hoạt động (giành cho các hộ nghèo) đạt hiệu quả hơn.

1.3. Kế hoạch và phương pháp thực hiện việc đánh giá chương trình phát triển cộng đồng.

1.3.1. Kế hoạch và mốc thời gian

| TT | Hoạt động | Khung thời gian | Địa điểm thực hiện | Cán bộ thực hiện |
|----|---|-----------------------|---------------------------------|----------------------------|
| 1 | Xây dựng kế hoạch đánh giá | Trong tháng 5/2009 | Văn phòng dự án | CB Giám sát đánh giá dự án |
| 2 | Triển khai kế hoạch đánh giá cho các xã điểm (công văn hướng dẫn kèm mẫu biểu) | Trước ngày 28/05/2009 | UBND 7 xã tham gia chương trình | Cán bộ GS & ĐG dự án |

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



| TT | Hoạt động | Khung thời gian | Địa điểm thực hiện | Cán bộ thực hiện |
|----|---|--------------------------|---|--|
| 3 | Bắt đầu đánh giá chương trình (theo mẫu biểu của dự án) | Từ (01/06- 10/06) / 2009 | Các hộ tham gia chương trình phát triển cộng đồng | Cán bộ lãnh đạo xã, KNV xã, trưởng thôn và các hộ tham gia chương trình tại 7 xã điểm |
| 4 | Tổng hợp kết quả và đánh giá ngẫu nhiên (3-5) hộ/ xã | Từ (5- 15)/ 06/09 | Tại các hộ tham gia CT và UBND các xã điểm | Cán bộ đánh giá dự án, cán bộ hiện trường dự án; khuyến nông viên xã và hộ lựa chọn ngẫu nhiên |
| 5 | Tổng hợp, xử lý số liệu thu thập | từ (12- 20)/ 06/09 | Văn phòng dự án | Cán bộ GS&ĐG |
| 6 | Viết báo cáo | (25/06 – 5/ 07)/ 2009 | Văn phòng dự án | Cán bộ GS&ĐG |

1.3.2. Phương pháp đánh giá;

- Đánh giá (vòng 1) cho tất cả các hộ tham gia chương trình (theo biểu mẫu của dự án) do UBND xã thực hiện
- Đánh giá lựa chọn ngẫu nhiên đối với các hộ tham gia vòng 1, lựa chọn (3-5) hộ/ xã, cán bộ dự án và cán bộ xã thực hiện, mục tiêu rà soát các số liệu đánh giá vòng đầu
- Kết hợp thu thập các thông tin từ các hộ dân tham gia hoạt động chương trình và các kiến nghị và đề xuất từ cán bộ xã, thôn trong việc thực hiện chương trình giành cho hộ nghèo
- Kết hợp thu thập thông tin việc rà soát các hộ nghèo sáu tháng đầu năm 2009.

1.4. Những hạn chế của đợt đánh giá chương trình phát triển cộng đồng

- Đợt đánh giá tiến hành trong khi (phần lớn) các hộ nghèo thực hiện chương trình chưa tiêu thụ sản phẩm (bán ra thị trường) khi tiến hành đánh giá, thì trọng lượng vật nuôi chỉ ước đoán theo kinh nghiệm của mỗi cá nhân, mặt khác giá cả thị trường chỉ có tính chất tham khảo (hoặc là chọn đại diện cho từng xã) do vậy lợi nhuận thu được chỉ mang tính tương đối.
- Trong quá trình đánh giá, các thành viên đều nhất trí không tin đến công lao động của các hộ trong 3 tháng thực hiện chương trình, nên việc các hộ chăn nuôi có lãi, cũng mang tính tương đối do vậy kết quả đánh giá, những nhận định chỉ xét tới yếu tố tác động ngắn hạn của chương trình đối với các hộ nghèo, riêng về yếu tố hiệu quả kinh tế chỉ mang tính tham khảo.
- Báo cáo được viết dựa trên những thông tin đã được thống nhất giữa các thành viên trong nhóm khảo sát, mang tính nội bộ nhằm báo cáo giám sát tác động cho BQL dự án và chia sẻ thông tin với cán bộ kỹ thuật dự án.

2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

2.1. Các hoạt động trong chương trình hỗ trợ cộng đồng tại 7 xã thí điểm

- Chương trình phát triển cộng đồng năm 2009, được thực hiện tại 7 xã thí điểm của dự án gồm: xã Đồng Hoá, Đức Hóa, Kim Hóa và Thanh Thạch của huyện Tuyên Hoá; xã Minh Hoá, Hóa Phúc, Hóa Hợp của huyện Minh Hoá.
- Đối tượng tham gia chương trình là những hộ nghèo trong năm 2008 được UBND xã, thôn, các hộ nghèo bình chọn theo những tiêu chí thống nhất giữa UBND các xã điểm và Ban quản lý dự án:

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



1. Các hộ thuộc diện nghèo (cận dưới đường nghèo của Bộ LĐTB & XH, năm 2006, có thu nhập bình quân cận dưới 200 000 đồng / khẩu / tháng) và có khả năng (nhân lực và vật lực) để tham gia chương trình.
2. Chương trình thực hiện trong khoảng thời gian ngắn (không quá 3 tháng) đo đó tập trung chủ yếu là xây dựng các mô hình chăn nuôi (gà thả vườn, lợn thịt và nuôi ong mật)
3. Dự án ký các hợp đồng Hỗ trợ thực hiện chương trình với UBND các xã điểm và hỗ trợ cho UBND các xã trong việc triển khai, giám sát và đánh giá chương trình

2.1.1. Các đầu vào

- UBND các xã đã áp dụng phương pháp đánh giá nhanh nhu cầu của các hộ tham gia chương trình, tổng hợp số liệu các hộ tham gia và nhu cầu đăng ký của thực hiện mô hình (xem bảng 1)

Bảng 1: Số hộ được hỗ trợ con giống các loại thực hiện mô hình

| TT | Xã tham gia | Số hộ tham gia | Loại mô hình | | | Con giống | | | Ghi chú |
|----|-------------|----------------|--------------|-------|--------|------------|------------|-----------|--|
| | | | MH lợn | MH Gà | MH Ong | Lợn (con) | Gà (con) | Đàn ong | |
| 1 | Đức Hoá | 25 | x | | | 50 | | | 100% Thực hiện mô hình vỗ béo lợn |
| 2 | Đồng Hoá | 25 | x | x | | 46 | 70 | | 23 MH lợn và 2 hộ MH gà thả vườn |
| 3 | Kim Hoá | 25 | x | | | 50 | | | 100% Thực hiện mô hình vỗ béo lợn |
| 4 | Thanh Thạch | 25 | x | x | | 20 | 750 | | 10 hộ nuôi lợn và 15 hộ nuôi gà thả vườn |
| 5 | Hoá Phúc | 10 | x | | x | 6 | | 28 | 3 hộ MH lợn và 7 hộ MH nuôi ong |
| 6 | Hoá Hợp | 25 | x | | | 50 | | | 100% Thực hiện mô hình vỗ béo lợn |
| 7 | Mĩnh Hoá | 30 | x | | | 60 | | | 100% Thực hiện mô hình vỗ béo lợn |
| | Tổng | 165 | | | | 282 | 820 | 28 | |

- UBND các xã phối hợp với dự án tiến hành các khoá tập huấn cấp tốc cho các hộ tham gia chương trình với các nội dung (1)Tập huấn kỹ thuật pha trộn thức ăn và phòng bệnh cho lợn; (2) Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gà; giảng viên là các cán bộ khuyến nông viên xã và huyện.

- Hỗ trợ thức ăn gia súc cho các hộ tham gia chương trình phát triển cộng đồng (xem bảng 2)

**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên
miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)**



Bảng 2: Số hộ được hỗ trợ thức ăn gia súc

| TT | Xã tham gia | Số hộ tham gia | Loại mô hình | | | Thức ăn/ vật tư khá | | | Ghi chú |
|----|-------------|----------------|--------------|-------|--------|----------------------------|---------------------------|---------------------|---------|
| | | | MH lợn | MH Gà | MH Ong | Thức ăn chăn nuôi lợn (Kg) | Thức ăn chăn nuôi gà (Kg) | Thùng quay - (đồng) | |
| 1 | Đức Hoá | 25 | x | | | 73.24 | | | |
| 2 | Đồng Hoá | 25 | x | x | | 62.09 | 42 | | |
| 3 | Kim Hoá | 25 | x | | | 75 | | | |
| 4 | Thanh Thạch | 25 | x | x | | 131 | 146.5 | | |
| 5 | Hoá Phúc | 10 | x | | x | 76 | | 600 | |
| 6 | Hoá Hợp | 25 | x | | | 59.4 | | | |
| 7 | Minh Hoá | 30 | x | | | 50 | | | |

2.1.1. Các đầu ra.

Tính đến thời điểm đánh giá (ngày 31/05/ 2006) có khoảng 1/ 3 các hộ tham gia chương trình đã bán sản phẩm ra thị trường (lợn hơi và gà thịt và mật ong) kết quả đánh giá:

- Các hộ tham gia mô hình nuôi lợn thịt (xem bảng 3)

Bảng 3: Kết quả thực hiện mô hình lợn thịt

| TT | Xã tham gia | Bắt đầu thực hiện mô hình | | Kết quả thực hiện đến ngày 31/5/2009 | | | | Đánh giá lợi nhuận thu được (*) so sánh với đầu vào (**) |
|----|-------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------|---|------------------------|--|
| | | Số lợn giống (con) | Trọng lượng TB/ con (kg) | Số lợn thịt (con) | Trọng lượng TB/ con (kg) | Thu nhập bình quân từ chương trình (ngàn) | Tỷ lệ hoa hụt vật nuôi | |
| 1 | Minh Hoá | 60 | 20.08 | 59 | 57.47 | 3.164.933 | 2 % | +465.933 |
| 2 | Hoá Hợp | 50 | 19.18 | 47 | 47.36 | 2.472.720 | 6 % | - 228.280 |
| 3 | Hoá Phúc | 6 | 20 | 6 | 51.67 | 2.893.333 | 0 % | +194.333 |
| 4 | Đức Hoá | 50 | 20 | 50 | 58.72 | 2.892.720 | 0% | +193.720 |
| 5 | Đồng Hoá | 46 | 17.07 | 45 | 55.91 | 2.795.565 | 2 % | +96.565 |
| 6 | Thanh Thạch | 20 | 17.9 | 19 | 40.79 | 2.048.500 | 5 % | - 650.500 |
| 7 | Kim Hoá | 50 | 18.02 | 38 | 38.03 | 1.502.800 | 24 % | - 1.196.200 |

Ghi chú:

(*) lợi nhuận thu được từ chương trình chưa tính đến công chăm sóc và thức ăn phụ của gia đình

(**) Đầu vào mỗi hộ tham gia xây dựng mô hình được hỗ trợ 2.699.000 đồng

- Các hộ tham gia mô hình nuôi ong lấy mật (Xem bảng 4)

**Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên
miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)**



Bảng 4: Kết quả thực hiện mô hình nuôi ong mật

| TT | Xã tham gia | Bắt đầu thực hiện | Kết quả thực hiện đến ngày 31/5/2009 | | | | | | Đánh giá lợi nhuận ròng(*) thu được A= B-C (**) |
|----|-------------|-------------------|--------------------------------------|----------------|----------------|------------------------|-----------------------|---------------|--|
| | | Số tổ ong (tổ) | SL tổ (tổ) | Mật ong (chai) | Đơn giá (ngàn) | Thu nhập từ mật (ngàn) | Thu nhập từ tổ (ngàn) | Tổng thu nhập | |
| 1 | Mr Hoà | 4 | 5 | 17 | 100 | 1.700 | 500 | 2.200 | 1.600 |
| 2 | Mr Văn Hoà | 4 | 6 | 10 | 100 | 1.000 | 1.000 | 2.000 | 1.200 |
| 3 | Mr Chung | 4 | 6 | 12 | 100 | 1.200 | 1.000 | 2.200 | 1.600 |
| 4 | Mr Đức | 4 | 4 | 11 | 100 | 1.100 | - | 1.100 | 500 |
| 5 | Mr Th. Hoà | 4 | 7 | 6 | 100 | 600 | 1.500 | 2.100 | 1.500 |
| 6 | Mr Cường | 4 | 4 | 7 | 100 | 700 | - | 700 | 100 |
| 7 | Mr Thuyết | 4 | 4 | 30 | 100 | 3.000 | - | 3.000 | 2.400 |
| | Tổng | 28 | 36 | 93 | | | | | 430 |

Ghi chú:

(*) lợi nhuận ròng được hiểu là tại thời điểm đánh giá, số tổ bảo toàn (giá thành 500 ngàn/tổ) và lợi nhuận thu được từ chương trình chưa tính đến công chăm sóc.

(**) A: Lợi nhuận ròng thu được; B: Tổng thu nhập tại thời điểm đánh giá; C: Chi tư vấn kỹ thuật và các vật tư khác (Mũ lưới, giao, tăng chân, thùng quay mật) bình quân 600 ngàn / hộ

- Các hộ tham gia mô hình nuôi gà thả vườn (xem bảng 5)

Bảng 5: Kết quả thực hiện mô hình nuôi gà thả vườn

| TT | Xã tham gia | Bắt đầu thực hiện mô hình | | Kết quả thực hiện đến ngày 31/5/2009 | | | | Đánh giá lợi nhuận thu được (*) so sánh với đầu vào (**) |
|----|-------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------|---|------------------------|--|
| | | Số con giống (con) | Trọng lượng TB/ con (kg) | Số gà thịt (con) | Trọng lượng TB/ con (kg) | Thu nhập bình quân từ chương trình (ngàn) | Tỷ lệ hoa hụt vật nuôi | |
| 1 | Đồng Hoá | 70 | 0.45 | 67 | 1.1 | 3.145.000 | 4.3 % | +446.000 |
| 2 | Thanh Thạch | 750 | 0.47 | 592 | 1.45 | 2.494.667 | 11.1 % | - 204.333 |

2.1.2. Tác động (ngắn hạn) của chương trình phát triển cộng đồng năm 2009.

- Trong các loại mô hình mà các hộ thuộc diện nghèo lựa chọn thực hiện, thì mô hình nuôi ong lấy mật của 7 hộ gia đình xã Hoà Phúc thực hiện là có hiệu quả nhất (bỏ qua công lao động) lãi ròng bình quân hộ thu được 430 ngàn/ hộ; từ 28 tổ ong giống qua 3 tháng thực hiện tăng 129% (36 tổ); thu được 93 chai mật (65 lít mật), tham khảo số liệu bảng 4. Điều nổi bật, đầu vào của mô hình nuôi ong (giống và tư vấn kỹ thuật) được cung cấp từ Hội nuôi ong Minh Hoá, và thực hiện khá thành công bởi những đối tượng chưa phải là thành viên của Hội nuôi ong mật, đã chứng tỏ sự lựa chọn đúng đắn của dự án trong việc xúc tiến chuỗi giá trị mật ong và năng lực của Hội nuôi ong huyện Minh Hoá.

- Trong 7 xã tham gia chương trình phát triển cộng đồng có 4/ 7 xã thực hiện các mô hình đã lựa chọn (phương pháp đánh giá nhanh nhu cầu của các hộ tham gia chương trình) đều có lãi (so với

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



đầu vào khi thực hiện chương trình, mặc dầu lãi không lớn) điều này được lý giải do trong thời điểm triển khai thực hiện chương trình, xuất hiện dịch cúm (ban đầu được thông tin là cúm lợn) nên đã tác động đến thị trường của người tiêu dùng, giá lợn hơi giảm nhiều, các hộ chăn nuôi lợn nói chung bị thua lỗ đã ảnh hưởng đến hiệu quả của các hộ thực hiện mô hình nuôi lợn thịt. Bên cạnh đó, còn 3 xã có doanh thu tại thời điểm đánh giá là giảm so với đầu vào, điều này được lý giải do lợn bị dịch bệnh nên tỷ lệ hoa hụt khá lớn (xã Kim Hoá tỷ lệ hoa hụt lợn chiếm là 24%) và một số hộ chăn nuôi phản ánh do công tác phòng bệnh không tốt, khi lợn bị bệnh nặng mới điều trị nên phải dùng thuốc liều cao, làm cho lợn bị còi, không tăng trọng (xã Kim Hoá, trung bình tăng trọng không quá 3 kg/ con/ tháng, thông thường phải đạt từ 7 đến 10 kg /con/tháng)

- Khả năng thành công của các mô hình (tỷ lệ hoa hụt về vật nuôi, hiệu quả của việc thực hiện mô hình phụ thuộc vào đầu vào (con giống, kinh nghiệm làng nghề) của địa phương (tại huyện/ tại xã) (xem bảng 6) Hầu hết những xã thành công (mặc dầu hiệu quả không lớn) thường rơi vào xã có các thể mạnh chăn nuôi lợn truyền thống như xã Minh Hoá, điểm nổi bật đầu vào con giống được cung cấp tại địa phương rất phù hợp cho việc triển khai thực hiện kế hoạch và hầu như không có hoa hụt (chết bệnh tật) như xã Đức Hoá, Tuyên Hoá, xã Hoá Phúc được cung cấp giống bởi Hội nuôi ong Minh Hoá.

Bảng 6: Nguồn gốc giống cung cấp cho các hộ gia đình

| TT | Xã/ huyện | Mô hình thực hiện | Kinh nghiệm thể mạnh | Nguồn gốc giống | Tỷ lệ hoa hụt (%) | Hiệu quả so với đầu vào |
|----|------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Xã Minh Hoá, Minh Hoá | Nuôi lợn thịt | Truyền thống nuôi lợn | Hà Tĩnh | 2 | + 465.933 |
| 2 | Xã Hoá Phúc Minh Hoá | Nuôi lợn thịt | | Hà Tĩnh | 0 | + 194.333 |
| | | Nuôi ong | | Hội nuôi ong Minh Hoá | Tăng | Lãi ròng 430.000 |
| 3 | Xã Đức Hoá Tuyên Hoá | Nuôi lợn thịt | Chăn nuôi lợn theo CLB | Trang trại xã cung cấp | 0 | + 193.725 |
| 4 | Xã Đồng Hoá, Tuyên Hoá | Nuôi lợn thịt | | Hà Tĩnh | 2 | + 96.565 |
| | | Gà thả vườn | | Hà Tĩnh | 4.3 | + 446.000 |
| 5 | Xã Kim Hoá, Tuyên Hoá | Nuôi lợn thịt | | Hà Tĩnh | 24 | - 1.196.200 |
| 6 | Xã Hoá Hợp, Minh Hoá | Nuôi lợn thịt | | Hà Tĩnh | 6 | - 228.280 |
| 7 | Xã Thanh Thạch, TH | Nuôi lợn thịt | | Hà Tĩnh | 5 | - 650.000 |
| | | Gà thả vườn | | Hà Tĩnh | 11.1 | - 204.000 |

- Tiến độ thực hiện chương trình theo đánh giá đạt yêu cầu so với mốc kế hoạch đề ra. Nếu không kể đến những yếu tố bất khả kháng, như dịch bệnh ở xã Minh Hoá vào thời điểm bắt đầu thực hiện chương trình) thì các hộ gia đình có thể tiêu thụ sản phẩm từ trong khoảng thời gian từ cuối tháng 5 đến giữa tháng 6 năm 2009, đây cũng là khoảng thời gian rà soát các hộ nghèo trong năm 2009, mặc dầu, nguồn thu nhập này không kéo dài cho cả năm, nhưng góp phần đáng kể tăng thu nhập cho các hộ nghèo tham gia chương trình trong năm 2009, có cơ hội thoát nghèo 6 tháng đầu năm mặc dầu những khó khăn của nền kinh tế đang tác động mạnh đến các hộ nông dân nghèo.

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



- Năng lực của cán chủ chốt (cán bộ lãnh đạo của UBND xã) và cán bộ khuyến nông xã đã được cải thiện theo chiều hướng tích cực trong việc chủ động xây dựng kế hoạch, giám sát và đánh giá chương trình phát triển cộng đồng giành cho các hộ nghèo, đại đa số cán bộ phụ trách chương trình đã chủ động xây dựng kế hoạch, tìm nguồn giống và thức ăn kịp thời để cung cấp cho các hộ gia đình tham gia thực hiện chương trình theo đúng tiến độ

- Tất cả các hộ tham gia chương trình trong 6 tháng đầu năm 2009, mặc dầu nền kinh tế có nhiều biến động, giá cả vật tư tăng cao, giá sản phẩm hạ, tuy nhiên đều có thu nhập bình quân trên 200 ngàn đồng/ tháng / khẩu (vượt ngưỡng đường chuẩn nghèo năm 2006) có thể nói chương trình đạt được mong muốn đặt ra, là hỗ trợ cho các hộ nghèo giảm thiểu những tác động từ bên ngoài đến các hộ nghèo.

Tác động của chương trình đối với việc giảm nghèo ở các xã thí điểm được thể hiện trong bảng 7 dưới đây.

Bảng 7: Tác động của Chương trình Phát triển Cộng đồng đối với việc giảm nghèo

| xã | Tổng số gia đình | Số hộ nghèo 31.12.2008 | Tỷ lệ hộ nghèo 31.12.2008 | Số hộ nghèo 11.06.2009 | Tỷ lệ hộ nghèo 11.06.2009 | Tỷ lệ giảm nghèo (%) |
|-------------|------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|
| Thanh Thạch | 420 | 221 | 52,62 | 196 | 46,67 | 11,3 |
| Đồng Hoá | 739 | 254 | 34,37 | 229 | 30,99 | 9,8 |
| Kim Hoá | 1126 | 408 | 36,23 | 373 | 33,13 | 8,6 |
| Đức Hoá | 1244 | 401 | 32,23 | 376 | 30,23 | 6,2 |
| Hoá Phúc | 121 | 42 | 34,71 | 37 | 30,6 | 11,9 |
| Hoá Hợp | 729 | 269 | 36,90 | 244 | 33,5 | 9,3 |
| Minh Hoá | 713 | 370 | 51,89 | 345 | 48,4 | 6,8 |

Trong bảng 7, số liệu hộ nghèo của 6 tháng đầu năm do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thu thập ở hai huyện nhưng các số liệu này chưa được hoàn thành. Các số liệu chính thức vẫn chưa có. Thực trạng giảm nghèo được đánh giá dựa trên báo cáo đánh giá của các xã về đánh giá thực trạng các hộ gia đình tham gia vào Chương trình Phát triển Cộng đồng. Những số liệu này chưa tính đến các hộ không đạt vì một số lý do. Vì vậy, các số liệu này chỉ nhằm mục đích tham khảo.

Tỷ lệ giảm nghèo trong 6 tháng đầu năm 2009 được tính là sự chênh lệch giữa tỉ lệ giảm nghèo vào tháng 12/2008 trừ đi tỉ lệ vào tháng 06/2009, tương quan với tỉ lệ vào tháng 12/2008, được tính bằng phần trăm. Trong cột cuối cùng của bảng 7, tỷ lệ giảm nghèo ở tất cả các xã thí điểm giảm đáng kể so với chỉ tiêu giảm 4.5% cho cả năm.

Tóm lại, Chương trình Phát triển Cộng đồng đã đạt được chỉ tiêu đề ra và đáp ứng được mong đợi là hỗ trợ các hộ nghèo trong việc giảm các tác động bên ngoài đối với thực trạng nghèo đói của họ.

3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trên cơ sở kết quả giám sát đánh giá tác động ở 7 xã điểm, chương trình phát triển cộng đồng được thực hiện thành công và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Chương trình đã đạt được thành công mặc dù thời gian thực hiện chương trình rất ngắn (3 tháng) đối tượng thực hiện là những hộ

Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung Việt Nam (SMNR-CV)



thuộc diện nghèo (là những đối tượng thường chịu nhiều thiệt thòi nhất) trong việc lĩnh hội và tiếp cận với các hoạt động cộng đồng, phát triển thôn bản.

Thông qua việc thực hiện chương trình, cũng đúc rút được một số bài học để chia sẻ và áp dụng trong thời gian tới khi có cơ hội:

- Từ việc thực hiện mô hình nuôi ong lấy mật có hiệu quả ở xã (Hoá Phúc) có thể rút ra việc thực hiện các mô hình chỉ có hiệu quả và có cơ hội nhân rộng chỉ khi các đầu vào như (con giống, thức ăn, tư vấn kỹ thuật do địa phương cung cấp).
- Các mô hình nông nghiệp được chọn lựa nghiêm khắc theo nhu cầu thị trường. Thành công của các mô hình này phụ thuộc vào kinh nghiệm và thể mạnh của từng xã cũng như sự hỗ trợ của các hiệp hội/ nhóm nhà sản xuất.